

KỶ NIỆM 100 NĂM NGÀY SINH (1905 - 2005)
25 NĂM NGÀY MẤT (1980 - 2005) CỦA GI.P.XÁCTORƠ

GI.P.XÁCTORƠ - NGƯỜI SÁNG LẬP CHỦ NGHĨA HIỆN SINH VÔ THẦN PHÁP

ĐẶNG HỮU TOÀN (*)

Tóm tắt: Chủ nghĩa hiện sinh vô thần của Gi.P.Xáctorơ (1905-1980) là sản phẩm của sự dung hoà, sự kết hợp theo một cách riêng của ba khuynh hướng tư tưởng hiện đại - chủ nghĩa Mác, hiện tượng học Huxéc và chủ nghĩa hiện sinh Haidơơ - trên cơ sở lấy quan điểm chung của ba khuynh hướng tư tưởng này làm xuất phát điểm - quan điểm khẳng định vai trò tích cực của con người trong việc tự sáng tạo nên bản chất của chính mình. Nguyên lý nền tảng của chủ nghĩa hiện sinh vô thần này là "Tồn tại có trước bản chất", còn vấn đề trung tâm của nó là sự tự do của con người. Con người là tự do nên con người có thể làm cho mình trở thành một thực thể hiện hữu, tồn tại với tư cách một "nhân vị", một "hữu thể". Bản tính con người là cái không thể được "định nghĩa" trước bởi Thượng đế hay một Đấng sáng tạo nào đó. Con người tự tạo nên bản tính của mình bằng sự tự do lựa chọn sau khi đã tồn tại như một "hữu thể", tồn tại một cách hiện sinh. Mặc dù còn có những hạn chế nhất định, song chủ nghĩa hiện sinh vô thần của Gi.P.Xáctorơ vẫn được thừa nhận là một chủ nghĩa nhân đạo, một trào lưu triết học tiến bộ trong lịch sử tư tưởng nhân loại thế kỷ XX.

Cách đây vừa đúng 100 năm, ngày 21 tháng 6 năm 1905, tại Pari cổ kính và hoa lệ đã ra đời một con người mà lịch sử tư tưởng nhân loại lưu danh với tư cách "triết gia của thế kỷ XX" (B.H.Lêvi), một trong những đại biểu xuất sắc nhất của chủ nghĩa hiện sinh, người sáng lập trường phái hiện sinh vô thần Pháp - *Giăng Pôn Xáctorơ* (Jean Paul Sartre).

Thiên hướng triết học của Gi.P.Xáctorơ được bộc lộ ngay từ khi ông mới bắt đầu vào học tại Đại học Sư phạm Pari. Tại đây, ông bị lôi cuốn bởi triết học H.Bécông (1859 - 1941) - người đã được nhận giải thưởng Nôben về văn học (1927), đại biểu của thuyết trực giác và triết học cuộc sống. *Tiểu luận về các dữ kiện trực tiếp của lương tâm* (1889) mà H.Bécông đưa ra để khẳng định sự linh cảm phi trí tuệ có thể nhận thức được với tư cách phương pháp triết học đích thực đã thực sự cuốn hút Gi.P.Xáctorơ và dẫn

dắt ông tới quan niệm coi "triết học là khoa học tuyệt đối kỳ diệu mà qua đó, chúng ta có thể tìm thấy chân lý". Tình yêu đối với "sự thông thái" của con người được Gi.P.Xáctorơ tiếp tục nuôi dưỡng trong những năm dạy học ở Le Havre sau khi tốt nghiệp Đại học Sư phạm Pari (1929). Ông tiếp tục nghiên cứu triết học tại Học viện Pháp ở Béclin trong những năm 1934 - 1935. Tại đây, ông bắt tay vào viết tác phẩm triết học đầu tiên của mình và hoàn thành tác phẩm này vào năm 1936 - *Cái tôi siêu nghiệm* (La Transcendance de l'Ego) - mà như ông thừa nhận, được viết "dưới ảnh hưởng của hiện tượng học Huxéc". Tác phẩm này đã cho thấy khuynh hướng hiện sinh chủ nghĩa của Gi.P.Xáctorơ, khi ông tập trung kiến giải "ý thức đích thực" với tư cách sự tự do tiên nghiệm và là điều kiện, là "nguồn gốc tuyệt đối" của sự hiện sinh.

(*) Phó giáo sư, tiến sĩ, Phó tổng biên tập Tạp chí Triết học.

Cũng tại Béclin, Gi.P.Xác-tơơ bắt đầu viết *Buồn nôn* (La nausée) và hoàn thành tác phẩm mà ông coi là hay nhất trong suốt sự nghiệp sáng tạo của mình vào năm 1938. *Buồn nôn* là tác phẩm mà như Gi.P.Xác-tơơ nói, do không tìm được từ ngữ nào tương xứng để mô tả những kiến giải triết học cho độc giả, nên “tôi buộc phải khoác cho nó một hình thức lãng mạn hơn, biến nó thành một cuộc dạo chơi mạo hiểm” dưới dạng tiểu thuyết. Trong *Buồn nôn*, Gi.P.Xác-tơơ đề cập đến “cảm giác bệnh hoạn” của một con người - Antoine Roquentin - khi trải nghiệm bằng trực giác về cái bản chất ngẫu nhiên và tính phi lý của tồn tại, cảm giác rằng tồn tại con người là ngẫu nhiên và không có một mục đích rõ rệt nào cả.

Năm 1936, Gi.P.Xác-tơơ cho ra đời tác phẩm *Tưởng tượng* và sau đó, năm 1940, là *Cái được tưởng tượng* mà trong đó ông mô tả sự tưởng tượng là một phương tiện được con người sử dụng để tách ý thức của mình ra khỏi thế giới hiện thực và đưa ra cái không - tồn tại. Rằng, nhờ vào việc “tẩy sạch” ý thức của mình ra khỏi cái tâm lý, tức là ra khỏi kết cấu phản tư của cái Tôi cùng với những chất lượng, trạng thái và hành động của nó, mà “ý thức đích thực” của con người trở thành “ý thức của ý thức về khách thể siêu nghiệm”. Tiếp tục phát triển quan niệm này và do chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa hiện sinh và hiện tượng học M.Huxéc (1889 - 1976), Gi.P.Xác-tơơ đã cho ra mắt bạn đọc tác phẩm đồ sộ nhất, quan trọng vào bậc nhất trong sự nghiệp sáng tạo của ông - *Tồn tại và hư vô* (L'Être et le Néant) vào năm 1943. Trong tác phẩm này, ông tiến hành nghiên cứu các kết cấu bản thể luận của “ý thức của ý thức về khách thể siêu nghiệm” mà ông gọi là “ý thức trống

rỗng”. Kết quả của việc nghiên cứu này được ông coi là cơ sở của quan niệm về tính chủ quan mà ông đồng nhất với “ý thức về ý thức” với tư cách cội nguồn của hoạt động tự nó, hoạt động tuyệt đối sản sinh ra mọi ý nghĩa của kinh nghiệm. Trong *Tồn tại và hư vô*, Gi.P.Xác-tơơ còn tiếp tục phát triển thêm quan niệm về ý thức với tư cách sự tự do, sự lựa chọn của con người và quan niệm về tính ngẫu nhiên của tồn tại mà ông đưa ra trong *Buồn nôn* để xây dựng nên hệ tọa độ xuất phát với tư cách cái đem lại triển vọng cho sự nhận thức và xây dựng nguyên tắc phân bố, cấu âm các ý nghĩa trong “bản thể luận hiện tượng luận” của ông.

Năm 1946, Gi.P.Xác-tơơ cho xuất bản tác phẩm được nhiều độc giả yêu thích nhất (trong đó có cả các độc giả Việt Nam) trong sự nghiệp sáng tạo triết học của ông và cũng khiến cho tên tuổi của ông vốn nổi tiếng nay lại càng thêm nổi tiếng - *Hiện sinh - một nhân bản thuyết* (L'Existentialisme est un Humanisme). Đây là tác phẩm được viết dưới dạng giáo trình và là tập hợp những bài phát biểu của Gi.P.Xác-tơơ trước đông đảo cử tọa trong các cuộc tranh luận về chủ đề triết học hiện sinh. Giáo trình triết học hiện sinh này được Gi.P.Xác-tơơ viết ra với hy vọng xóa đi quan niệm của một số người coi nó là thứ triết học vô bổ, thứ triết học kêu gọi con người “cứ ở lì trong lo âu, vô vọng, vì mọi lối thoát trên đời này đều đã bế tắc”, thứ triết học đã “bỏ quên mất nụ cười trẻ thơ”(1). Và, hơn nữa, qua tác phẩm này, Gi.P.Xác-tơơ muốn khẳng định: *Chủ nghĩa hiện sinh vô thần là một chủ nghĩa nhân đạo*, thứ chủ nghĩa nhân đạo không phải là một học thuyết đề cao

(1) Gi.P.Xác-tơơ. *Hiện sinh - một nhân bản thuyết* (Thư Nhân dịch). Nxb Nhị Nùng, Sài Gòn, 1968, tr. 13.

"lòng thương người", mà là một học thuyết đích thực về con người, là triết học về sự tồn tại của thực thể người trong thế giới hiện thực, về con người tồn tại như một "nhân vị", tồn tại một cách hết sức riêng biệt, đặc thù, xa lạ với mọi tính cách phổ quát, tồn tại với tư cách sự hiện sinh (existence).

Tiếp theo *Hiện sinh - một nhân bản thuyết*, Gi.P.Xác Tờrơ dự định viết một tác phẩm triết học đồ sộ khác - *Phê phán lý tính biện chứng* (Critique of Dialectical Reason). Gi.P.Xác Tờrơ đã không thực hiện được dự định này. Vào năm 1960, ông mới chỉ cho ra mắt bạn đọc tập một của tác phẩm. Nếu như trong các tác phẩm trước, khi bác bỏ quan niệm của Phrốt (1856 - 1936) về cái vô thức, Gi.P.Xác Tờrơ tập trung chủ yếu vào cá nhân và tự do, thì trong tập đầu của *Phê phán lý tính biện chứng*, ông đặc biệt chú ý đến bối cảnh xã hội và lịch sử mà con người sinh sống và có ảnh hưởng tới hành vi của họ. Với mục đích tìm cách khắc phục tính chủ quan trong quan niệm của mình và xây dựng một lý luận mới về quan hệ xã hội và sự phát triển lịch sử, khi gạt xuống hàng thứ yếu những phạm trù xã hội học cơ bản và xuất phát từ sự tồn tại cá nhân của con người, Gi.P.Xác Tờrơ đã thay việc phân tích lịch sử bằng sự phân tích theo quan điểm nhân bản học. Ông cho rằng, C.Mác đã thành công hơn bất cứ ai khi lý giải cách thức mà các kết cấu xã hội và kinh tế trong tiến trình phát triển của chúng đã có ảnh hưởng đến hành vi con người. Với quan niệm này, ông cũng đã thừa nhận những giới hạn trong sự lựa chọn của con người, thừa nhận ảnh hưởng của chủ nghĩa tập thể đối với hành vi và ý thức con người, nhất là ý thức về sự tha hóa của lao động và trên cơ sở này, ông đã xem xét lại quan điểm lạc quan trước kia

của mình về sự tự do của con người. Nếu như trước kia, ông cho rằng "bất kể tình huống nào, con người cũng luôn tự do", thì giờ đây, ông thừa nhận nói như vậy là không đúng, bởi cùng với tự do, con người còn có nghĩa vụ và "luôn phải động chạm đến trách nhiệm của mình". Do vậy, theo ông, trong con người luôn hiện hữu "nỗi đau khổ hiện sinh" với tư cách ý thức về quyền và trách nhiệm cá nhân, về tính không thể biện minh của sự lựa chọn(2).

Với *Phê phán lý tính biện chứng*, Gi.P.Xác Tờrơ đã cố gắng dung hòa chủ nghĩa Mác với chủ nghĩa hiện sinh nhằm mục đích đưa "tính độc đáo không thể loại bỏ trong sự mạo hiểm của con người" vào tri thức tổng hợp về lịch sử nhân loại mà ông đồng nhất với chủ nghĩa Mác để kiến giải lịch sử là sự sáng tạo của con người. Và, khi mô tả sự vận động của thực tiễn cá nhân trong lĩnh vực đời sống xã hội về phương diện hiện tượng học, luận giải những hình thức mà trong đó, sự tha hóa của con người là tất yếu và con người buộc phải chấp nhận để mà khắc phục nó, Gi.P.Xác Tờrơ coi con người không những là sản phẩm, mà còn là chủ thể của lịch sử. Còn khi luận giải lịch sử với tư cách sự kết hợp giữa những điều kiện, hoàn cảnh lịch sử và những dự án mà con người thực hiện nhằm khắc phục chúng thông qua hoạt động thực tiễn của mình, Gi.P.Xác Tờrơ coi đó là phương thức làm cho lịch sử nhân loại trở nên mang tính trí tuệ và đặt ra một cách đúng đắn vấn đề tính thiết yếu lịch sử cùng những khả năng có thể diễn ra trong lịch sử.

Với những luận giải trên, Gi.P.Xác Tờrơ muốn dung hòa quan niệm về sự tác động của tình huống lịch sử đến hành vi con

(2) Xem: *Triết học phương Tây hiện đại - Từ điển* (Viện Triết học dịch). Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội, 1996, tr. 624.

người với quan niệm về khả năng sáng tạo lịch sử của con người. Mặc dù mong muốn như vậy và hơn nữa, còn coi chủ nghĩa Mác là triết lý của thời đại, song ở Gi.P.Xác-tơ-ơ vẫn tồn tại một mâu thuẫn không thể khắc phục được giữa chủ nghĩa hiện sinh của ông và chủ nghĩa Mác. Ông cho rằng, chủ nghĩa Mác do nhấn mạnh mọi kết cấu và tổ chức của xã hội cũng như hành vi và tư tưởng con người luôn bị quy định bởi các sự kiện lịch sử có trước và do vậy, đối với nó, sự tự do lựa chọn của con người chỉ là một ảo tưởng, bản thân con người chỉ là chỗ để cho các sức mạnh của lịch sử thể hiện. Rằng, chủ nghĩa Mác do coi lịch sử nhân loại là một quá trình tạo ra nền tảng vật chất cho các kết cấu xã hội và thể chế kinh tế, một quá trình mà tự nó, chứa đựng những điều kiện được coi là thiết yếu cho sự phát triển của chính nó, nên thay vì phải coi ý thức con người "làm nên lịch sử" và tạo ra cho thế giới một ý nghĩa, thì chủ nghĩa Mác lại khẳng định ý thức con người khám phá ra ý nghĩa này trong những bối cảnh lịch sử như một kết quả của nhận thức khoa học(3). Nhìn nhận chủ nghĩa Mác dưới nhãn quan của chủ nghĩa hiện sinh theo cách đó, Gi.P.Xác-tơ-ơ đã không thể thực hiện được mong muốn của ông là dùng hòa chủ nghĩa Mác với chủ nghĩa hiện sinh. Với cách nhìn nhận ấy, ông chỉ làm được một việc là áp đặt cho chủ nghĩa Mác cái nền tảng nhân bản học của chủ nghĩa hiện sinh vô thần mà ông là người sáng lập.

Các tác phẩm triết học chủ yếu nói trên và một số tác phẩm khác nữa, cả các tác phẩm văn học, như *Ruồi* (*Les mouches*, 1942), *Thằng ngốc của gia đình* (*The Family Idiot*, 1971 - 1972, gồm 3 tập),...

đã tạo dựng tên tuổi cho Gi.P.Xác-tơ-ơ và làm cho ông nổi tiếng với tư cách một đại biểu xuất sắc của chủ nghĩa hiện sinh, người sáng lập chủ nghĩa hiện sinh vô thần Pháp.

Khác với M.Haidơ-gơ (1889 - 1976) - nhà triết học hiện sinh Đức, người có ảnh hưởng to lớn tới Gi.P.Xác-tơ-ơ, người đã đào sâu ý nghĩa của tồn tại xuyên qua những nỗi niềm thầm kín, những vùng sâu thẳm của tâm hồn luôn bị vướng mắc bởi sự lo âu và bất an của con người, Gi.P.Xác-tơ-ơ lấy sự tự do của con người làm chủ đề trung tâm cho chủ nghĩa hiện sinh vô thần của ông. Gi.P.Xác-tơ-ơ nhìn nhận tự do con người như nét đặc trưng phân biệt con người với mọi thực thể khác trong Vũ trụ. "Con người thì tự do, con người là tự do". Gi.P.Xác-tơ-ơ đã khẳng định như vậy và cho rằng, con người là tự do nên con người có thể làm cho mình trở thành một thực thể hiện hữu mà nó lựa chọn, tồn tại với tư cách một "nhân vị", một sự hiện sinh. Rằng, đã không và sẽ không có một bản tính con người được định sẵn, không có Thượng đế hay Chúa Trời nào có thể có một kế hoạch, một dự án mà theo đó, con người phải như thế nào, phải sống ra sao, mang bản chất gì. Bản chất con người không thể "định nghĩa" trước được, vì nó đã không được nghĩ ra từ trước một cách đầy đủ. Con người chỉ tồn tại một cách đơn thuần và chỉ sau sự tồn tại ấy, nó mới trở thành một thực thể, "hữu thể" có tính bản chất. Chính con người tự quyết định thực thể hiện hữu - "hữu thể" - của mình, tạo ra bản tính - "yếu tính" của mình bằng sự lựa chọn. Hiện sinh là một bản chất riêng

(3) Xem: Samuel Enoch Stumpf. *Lịch sử triết học và các luận đề*. Nxb Lao động, Hà Nội, 2004, tr. 406.

có của con người, bởi chỉ có con người mới có thể tự do lựa chọn cách thức sống, lối sống và hơn nữa, có ý thức để trở thành sự hiện sinh, trở thành “hữu thể”. Con người hiện sinh luôn lấy sự hiện sinh ở mỗi “nhân vị” làm tính thứ nhất, có trước bản chất và do vậy, “*Tồn tại có trước bản chất*” (Existence précède essence).

“Tồn tại có trước bản chất”, theo Gi.P.Xác tử, có nghĩa là con người trước hết phải tồn tại một cách hiện sinh, phải hiện hữu, phải xuất hiện trong Vũ trụ và đối diện với chính mình để sau đó mới có thể “định nghĩa” mình là gì, xác định bản chất của mình là gì. Sự hiện sinh chỉ có ở con người và cũng chỉ có con người mới có thể tìm thấy bản chất của mình thông qua sự hiện sinh, sự hiện hữu thực sự – “hiện sinh thể” – của chính mình và do vậy, ngay từ đầu, con người “không thể định nghĩa” được mình, bởi ngay từ ban đầu, “con người không là gì cả, chỉ sau đó con người mới sẽ là (thế nọ, thế kia, ...) và sẽ là cái do mình tự tạo nên”. Và, cũng do vậy, “không thể có một bản tính nhân loại, vì không có một Đấng Thượng đế nào để quan niệm về bản tính đó”. Con người không chỉ hiện hữu như cái mà nó quan niệm, con người còn hiện hữu như cái mà nó hằng mong muốn. “Con người chỉ sau khi đã hiện hữu mới tự quan niệm về mình được, do đó *con người chỉ là cái mà nó tự tạo nên*”(4).

Có thể nói, quan niệm trên của Gi.P.Xác tử cho thấy, dường như ông đã quá chú quan khi khẳng định con người có thể làm cho mình trở thành một “hữu thể”, tạo ra bản chất cho riêng mình bằng sự tự do lựa chọn của chính mình. Song, ông đã đúng khi cho rằng, chính sự hiện sinh như một “hữu thể” của con người đã

đem lại cho con người một bản chất riêng có, một phẩm giá mà không một thực thể nào khác có thể có được. Rằng, cái đem lại bản chất hiện sinh, phẩm giá riêng có cho con người chính là do con người có một *đời sống chủ quan*, có sự tự do lựa chọn mọi cái, kể cả lối sống, có khát vọng hướng tới tương lai và ý thức được rằng nó đang làm việc đó. Và, khi nói con người tồn tại như một sự hiện sinh, Gi.P.Xác tử muốn nhấn mạnh hai phương thức tồn tại mà ông gọi là *hiện hữu tự nó* (l'en-soi) và *hiện hữu cho nó* (le pour-soi). Ở con người luôn có cả hai phương thức tồn tại này. Khi hiện hữu tự nó, con người tồn tại giống như các thực thể khác trong Vũ trụ; còn khi hiện hữu cho nó, con người tồn tại khác với mọi thực thể khác trong Vũ trụ, tồn tại với tư cách chỉ có nó mới là một thực thể có ý thức. Và, với tư cách một thực thể có ý thức, chỉ con người mới có khả năng định hướng tương lai, tự do lựa chọn cho mình một tương lai theo mong muốn.

Khi đặt tồn tại trước bản chất trong bản tính con người, Gi.P.Xác tử không chỉ muốn nói con người có thể tạo ra sự hiện hữu của mình, tự do lựa chọn sự hiện hữu ấy, mà còn muốn nói tới trách nhiệm của con người về sự hiện hữu của mình. Theo ông, một khi bản chất có trước tồn tại, bản chất con người là cái được cho trước và ấn định sẵn, “bản chất có trước hiện hữu” như với các thực thể khác và do Thượng đế mang lại, thì con người không thể chịu trách nhiệm về sự hiện hữu của mình, về cái không phải là vốn có của mình. Bản tính con người là do con người tự do lựa chọn, nên con người không thể không tự chịu trách nhiệm về sự lựa chọn

(4) Gi.P.Xác tử. *Hiện sinh – một nhân bản thuyết*. Sđd., tr. 19.

đó. Và, do chịu ảnh hưởng của hiện tượng học Huxéc, Gi.P.Xácơơ còn cho rằng, con người không chỉ hiện hữu cho bản thân mình, mà còn làm cho các thực thể khác cũng hiện hữu bằng cách tùy thuộc vào “hiện sinh thể” của mình mà “ban phát” cho thực thể khác một ý nghĩa nào đó. Do vậy, theo ông, con người muốn thực hiện sự hiện hữu của mình thì phải mang lại cho chính mình và cho các thực thể khác trong Vũ trụ một ý nghĩa nhất định, nghĩa là con người phải tự ý thức về mình và ý thức về các thực thể khác, con người phải tự chịu trách nhiệm về sự hiện hữu của mình và chịu trách nhiệm về sự hiện hữu của các thực thể khác.

Nói rõ hơn về việc con người tự chịu trách nhiệm về sự hiện hữu của mình và của thực thể khác, Gi.P.Xácơơ cho rằng, con người hiện hữu như thế nào là do nó tự do lựa chọn và do vậy, nó không thể trách cứ ai ngoài nó. Hơn nữa, khi con người thực hiện sự lựa chọn trong quá trình làm ra sự hiện hữu của mình, con người không chỉ lựa chọn cho riêng mình, mà còn lựa chọn cho người khác, cho thực thể khác và do vậy, nó có trách nhiệm không chỉ về cá nhân mình, mà còn về tất cả mọi người, mọi thực thể. Và, khi mang lại cho sự hiện hữu của mình một ý nghĩa nào đó, con người tạo ra chính các giá trị cho mình, tạo ra chính mình nhờ các giá trị đó, đồng thời cũng tạo ra một hình ảnh về bản chất con người như con người tin rằng nó phải là như vậy. Khi con người lựa chọn phương thức hành động này hay khác, nó tự khẳng định giá trị của phương thức đã lựa chọn và phương thức đó không thể là hữu hiệu hơn cho mỗi người nếu nó không hữu hiệu hơn cho mọi người. Quan niệm này của Gi.P.Xácơơ cho thấy,

đường như ông đã chịu ảnh hưởng “Mệnh lệnh tuyệt đối” của I.Cantơ. Song, khác với I.Cantơ, Gi.P.Xácơơ không nói đến một quy tắc phổ quát hướng dẫn sự lựa chọn của con người, mà ông kêu gọi con người hãy lựa chọn, lựa chọn ngay cả khi không có một sự hướng dẫn đầy quyền uy nào và mong muốn người khác có cùng sự lựa chọn như mình. Với ông, việc một con người nghĩ rằng người khác sẽ không hành động giống mình – đó là “sự tự lừa dối mình”. Hành vi lựa chọn là một hành vi mà mọi người phải thực hiện với một “sự lo âu sâu xa”, vì trong hành vi này, con người không chỉ phải chịu trách nhiệm về sự hiện sinh của chính mình, mà còn phải chịu trách nhiệm về sự hiện sinh đối với nhau. Người trốn tránh trách nhiệm bằng cách “tự lừa dối mình” không bao giờ cảm thấy “yên tâm”(5).

Với Gi.P.Xácơơ, việc con người tự do lựa chọn sự hiện sinh của mình là sự lựa chọn không có Thượng đế. Ông chấp nhận lời tuyên bố nổi tiếng của Ph. Nítơ (1844 – 1900) rằng “Thượng đế đã chết” và cũng đồng ý với quan niệm của nhà tư tưởng, nhà văn hiện thực Nga – P.M.Đôxtôiépki (1821 – 1882) rằng “nếu Thượng đế không tồn tại, mọi sự đều có thể”. Trong một thế giới vô thần, theo ông, con người mang tâm trạng bị “bỏ mặc” (khái niệm mà M. Haiđơơ đã sử dụng) và khi đó, cùng với sự gạt bỏ Thượng đế, mọi khả năng của con người tìm thấy các giá trị của mình trong một thế giới duy lý nào đó cũng biến mất. Ông viết: “Người hiện sinh... nghĩ rằng việc Thượng đế không hiện hữu là điều rất đáng buồn, bởi mọi khả năng tìm ra các giá trị trong bầu trời các ý tưởng

(5) Xem: Samuel Enoch Stumpf. *Sđđ.*, tr. 403-404.

cũng biến mất cùng với ngài... Không thấy viết ở đâu rằng Thượng đế hiện hữu, rằng chúng ta phải thành thật, chúng ta không được nói dối, bởi sự kiện là, chúng ta ở trên một bình diện mà ở đó, chỉ có con người mà thôi”(6).

Với Gi.P.Xáctoro, tự do lựa chọn hiện sinh là một đặc trưng vinh quang của con người, bởi nó cho phép con người phân biệt mình với mọi thực thể khác trong Vũ trụ. Tự do mang lại phẩm giá cho con người, song tự do cũng là một gánh nặng mà con người muốn loại bỏ. Con người vốn ưa thích sự hướng dẫn cái gì là đúng, là sai và được trút bỏ trách nhiệm phải định đoạt giá trị. Song, con người lại không có lối thoát nào khác ngoài sự tự do lựa chọn. Con người có thể tìm cách trốn tránh bằng việc quyết định không chọn lựa, nhưng cố gắng này là không thể, bởi quyết định không chọn lựa tự nó đã là một sự lựa chọn. Con người cũng có thể tìm cách trốn tránh trách nhiệm của mình bằng cách quyết định theo lời khuyên của ai đó, nhưng bản thân việc này cũng là một sự lựa chọn. Do vậy, theo Gi.P.Xáctoro, không có sự tồn tại của Thượng đế, “con người bị kết án phải tự do” lựa chọn sự hiện sinh cho mình. “Bị kết án”, vì con người cảm thấy mình như bị ném vào thế giới, nhưng “tự do” vì ngay khi con người ý thức về mình, nó tự chịu trách nhiệm về sự lựa chọn của mình.

Đối với con người, “Tồn tại có trước bản chất”, theo Gi.P.Xáctoro, có nghĩa là tồn tại của con người đi trước bản chất của họ. Ngoài tồn tại chỉ là hư vô và cái đáng quan tâm chỉ có hiện tại. Nói về hiện tại, trong *Buồn nôn*, Gi.P.Xáctoro cho rằng, bản chất đích thực của hiện tại được biểu lộ ra là cái đang tồn tại, cái gì không phải

là hiện tại thì không tồn tại. Sự vật hoàn toàn là cái mà nó đang xuất hiện, ngoài nó ra không có gì cả. Rằng, ngoài cá nhân đang tồn tại, trong thế giới này không có gì khác, không có Thượng đế, không có hệ thống giá trị khách quan, không có bản chất được định sẵn và hơn nữa, không có sự tất định, mỗi người là tự do. Trong thế giới này không có một bản chất được xác định trước, không có bản tính con người, nhưng vẫn tồn tại một thân phận chung của con người. Với quan niệm này, Gi.P.Xáctoro đã bác bỏ thuyết chủ quan cá nhân chặt hẹp như là tiêu chuẩn chân lý khi cho rằng, con người đang sống trong một thế giới liên chủ thể, thế giới mà trong đó, mỗi cá nhân phải sống, chọn lựa, quyết định và luôn bị buộc phải hành động trong một “tình huống”, nghĩa là trong quan hệ với những người khác và do vậy, hành động của họ không được tùy tiện hay thay đổi, vì họ phải chịu trách nhiệm về mọi hành vi của mình. Rằng, cuộc sống không thể là một cái gì đó chừng nào nó chưa được sống, nhưng mỗi cá nhân đều phải có trách nhiệm làm cho nó có một ý nghĩa nào đấy. Giá trị của cuộc sống không phải là cái gì khác ngoài ý nghĩa mà mỗi người muốn tạo dựng cho nó. Việc coi con người là nạn nhân của số phận, của các thế lực bí ẩn bên trong con người, của một sự đam mê nào đó, của tính di truyền là sự tự lừa dối. Do lừa dối mà con người buộc phải cố gắng ngay trang cho cá tính hiện thực của mình. Do vậy, theo Gi.P.Xáctoro, nếu con người thể hiện tính người đích thực của họ trong

(6) Dẫn theo: Samuel Enoch Stumpf và Donald C. Abel. *Nhập môn triết học phương Tây*. Nxb. Tổng hợp TP. Hồ Chí Minh, 2004, tr. 334.

mọi hành vi thì khi đó, họ sẽ không tự lừa dối mình, sự trung thực sẽ không còn là lý tưởng, phải theo đuổi và cái mà con người coi là lý tưởng phải theo đuổi chính là sự hiện hữu của họ.

Với Gi.P.Xác-tơ-rơ, “Tồn tại có trước bản chất” còn có nghĩa là, con người trước hết và chỉ đơn giản là *tồn tại*; tồn tại của con người là sơ đẳng và đi trước việc con người trở thành cái gì đó. Cái mà con người trở thành tùy thuộc vào ý thức của họ đối với thế giới. Song, vì con người có sự tự do đối với thế giới, nên thế giới không thể ảnh hưởng một cách máy móc và hoàn toàn đối với ý thức và sự lựa chọn của con người. Con người không có cách nào để thay đổi thế giới ngoài việc phải “siêu vượt” thế giới và vì thế, phải liên tục lựa chọn. Bằng sự lựa chọn tự do của mình, con người làm ra chính mình. Con người sáng tạo ra chính mình không phải từ cái hư vô, mà từ một chuỗi các chọn lựa và quyết định nhằm biến sự tồn tại của mình thành bản chất của “cái Tôi siêu nghiệm”.

Như vậy, có thể nói, chủ nghĩa hiện sinh mà Gi.P.Xác-tơ-rơ đưa ra là chủ nghĩa hiện sinh vô thần. Trong *Hiện sinh – một nhân bản thuyết*, ông cũng đã tự nhận như vậy khi cho rằng, có hai loại triết gia hiện sinh: một bên là các nhà hiện sinh Kitô giáo, trong đó có cả K.Giaxpe (1883 – 1969) – một triết gia người Đức và G.Mác-xen (1889 – 1973) – một triết gia người Pháp; bên kia là các nhà hiện sinh vô thần, trong đó có M.Haidơ-gơ, các nhà hiện sinh Pháp và bản thân ông. Quan điểm chung của các nhà hiện sinh là “tồn tại có trước bản chất” hay tính chủ thể là điểm xuất phát. Ngoài cái chung đó, chủ nghĩa hiện sinh vô thần của Gi.P.Xác-tơ-rơ còn là sản phẩm của sự dung hòa, kết hợp

theo một cách riêng ít nhất là từ ba khuynh hướng tư tưởng hiện đại: chủ nghĩa Mác, hiện tượng học Huxéc và chủ nghĩa hiện sinh Haidơ-gơ. Gi.P.Xác-tơ-rơ đã lấy quan điểm chung của ba khuynh hướng tư tưởng hiện đại này làm xuất phát điểm. Đó là quan điểm khẳng định vai trò tích cực của con người trong việc tạo ra bản chất của chính mình, làm nên số phận, vận mệnh của chính mình.

Thật vậy, C. Mác đã đề cao hành động thực tiễn của con người khi khẳng định: “Các nhà triết học đã chỉ *giải thích* thế giới bằng nhiều cách khác nhau, song vấn đề là *cái tạo* thế giới”. Hiện tượng học Huxéc thì lấy đời sống cá nhân con người làm đối tượng nghiên cứu với quan điểm khẳng định triết học đích thực phải tìm kiếm nền tảng ở chính con người và đặc biệt, ở bản chất của tồn tại cụ thể của con người trong thế giới. Còn Haidơ-gơ, trong *Hiện hữu và thời gian*, đã coi sự hiểu biết cơ bản của chúng ta về vấn đề lớn là sự hiện hữu của con người chỉ có thể có được một cách tốt nhất nhờ phân tích hiện sinh về con người. Phương pháp phân tích hiện sinh về con người của Haidơ-gơ đã có ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự hình thành quan điểm của Gi.P.Xác-tơ-rơ. Tuy nhiên, khi Haidơ-gơ chủ yếu quan tâm đến sự hiện hữu của con người và coi tồn tại của con người chỉ như là phương tiện để nhận thức sự hiện hữu đó, thì Gi.P.Xác-tơ-rơ lại hầu như chỉ quan tâm đến sự tồn tại của cá nhân con người. Do vậy, với Gi.P.Xác-tơ-rơ, *nguyên lý nền tảng của chủ nghĩa hiện sinh là “Tồn tại có trước bản chất”*.

Với nguyên lý “Tồn tại có trước bản chất”, Gi.P.Xác-tơ-rơ không chỉ đảo ngược quan điểm của Haidơ-gơ, mà cả của siêu hình học truyền thống – quan điểm mà

ngay từ thời cổ đại đã xuất hiện ở Platon: Bản chất có trước tồn tại, bản chất là cái có trước, tồn tại là cái có sau. Cõi tồn tại là cái có trước bản chất, ông hy vọng có thể thoát ra khỏi quan điểm nền tảng của cả chủ nghĩa duy vật lẫn chủ nghĩa duy tâm. Song, những luận giải của ông về vấn đề này không những không giúp ông thực hiện được khát vọng đó, mà nó còn dẫn ông đến chủ nghĩa chiết trung - kết hợp chủ nghĩa duy tâm chủ quan với chủ nghĩa duy tâm khách quan và một số yếu tố riêng lẻ của chủ nghĩa duy vật. Không chỉ thế, với xuất phát điểm "Tồn tại có trước bản chất" và bằng việc xây dựng "bản thể luận hiện tượng luận" trên cơ sở đối lập một cách tuyệt đối tồn tại với ý thức, Gi.P.Xác tớơ đã sa vào nhị nguyên luận trong nhiều vấn đề, như tính tự chủ và tính ý hướng của ý thức; ý nghĩa, kết cấu và địa vị bản thể luận của cá nhân; tính đặc thù của tồn tại con người với tư cách "sự chưa hoàn thiện" mang tính nguyên tắc và với tư cách sự tự ý thức dưới hình thức tiền phản tư của nó; tính ngẫu nhiên của tồn tại; "tính tình huống" của lịch sử nhân loại; v.v.. Cũng với xuất phát điểm "Tồn tại có trước bản chất", trong *Phê phán lý tính biện chứng*, Gi.P.Xác tớơ hy vọng đưa ra một quan niệm biện chứng về lịch sử nhân loại, song ông chỉ làm được việc biến phép biện chứng thành phương pháp luận chứng cho thuyết vô định. Biện chứng mà ông đưa ra chỉ thuần túy mang tính chất phủ định và phạm vi của nó chỉ là trong lĩnh vực ý thức, hoàn toàn tách khỏi tự nhiên. Và, từ lập trường đề cao tính chủ quan con người và chủ nghĩa cá nhân, sự tự do con người đã được Gi.P.Xác tớơ luận giải với tư cách

vấn đề trung tâm của chủ nghĩa hiện sinh vô thần. Ông coi tự do là bản chất của hành vi con người, là cội nguồn của hoạt động con người, là khả năng tồn tại duy nhất của con người. Song, khi luận giải tự do với tư cách đó, ông đã đi đến chỗ phủ nhận tính quy định khách quan của hành vi con người.

Mặc dù còn có những hạn chế như vậy, song chủ nghĩa hiện sinh vô thần của Gi.P.Xác tớơ vẫn được nhiều nhà triết học coi là một trào lưu triết học tiến bộ trong lịch sử tư tưởng nhân loại thế kỷ XX và ông xứng đáng được tôn vinh là "nhà triết học của thế kỷ XX".

Năm nay, chúng ta cùng với cộng đồng thế giới kỷ niệm 100 năm ngày sinh, 25 năm ngày mất (Gi.P.Xác tớơ mất ngày 15 tháng 4 năm 1980) của Gi.P.Xác tớơ không chỉ bởi ông là "nhà triết học của thế kỷ XX", là đại diện xuất sắc của chủ nghĩa hiện sinh và là người sáng lập chủ nghĩa hiện sinh vô thần Pháp, mà còn bởi ông là nhà văn, kịch tác gia mà sự nghiệp sáng tạo văn học của ông luôn gắn liền với quan điểm triết học được ông dày công xây dựng, và hơn nữa, nhờ sự nghiệp sáng tạo ấy, ông đã được đề nghị trao giải Nôben văn học.

Là người có năng khiếu văn học từ rất sớm, Gi.P.Xác tớơ coi "văn học là hoạt động cao nhất của con người" và với quan điểm này, ông đặc biệt chú trọng sử dụng văn học làm phương tiện chuyển tải những tư tưởng triết học. Ở ông, văn học và triết học là bất phân. Văn học ở ông là văn học hiện sinh, còn triết học là triết học hiện sinh. Do vậy, đã có người cho rằng, nói tới triết học hiện sinh của Gi.P.Xác tớơ mà bỏ qua văn học hiện sinh của ông thì như vậy, coi như mới chỉ biết

có “một nửa” triết học đó mà thôi. Trong sự nghiệp sáng tạo văn học, Gi.P.Xác-tơ-rơ đã để lại cho nhân loại, trong đó có cả những người yêu văn học ở nước ta, những tác phẩm vào hàng kinh điển mà không chỉ nhiều độc giả trên phạm vi toàn thế giới ở thế kỷ XX và có lẽ còn nhiều độc giả nữa trong thế kỷ XXI này vẫn đọc chúng một cách say mê. Với những tác phẩm văn học đầy tính triết lý và mang nặng tư tưởng triết học hiện sinh, đặc biệt là *Buồn nôn* và *Ruổi* mà nhiều độc giả nước ta đã được đọc qua bản dịch sang tiếng Việt của Nhà xuất bản Văn học, vào năm 1964, Gi.P.Xác-tơ-rơ đã được Ủy ban giải Nôben đề nghị trao giải Nôben văn học. Thế nhưng, thật bất ngờ, Gi.P.Xác-tơ-rơ đã từ chối giải thưởng cao quý này với lý do “Tôi không muốn biến nó thành một cơ chế” và theo chúng tôi, có lẽ còn vì ông đã nghĩ trước hết và hơn hết, ông là nhà triết học.

Không chỉ thế, chúng ta tôn vinh Gi.P.Xác-tơ-rơ còn bởi ông là một chiến sĩ kiên cường trên mặt trận chống chủ nghĩa phát xít (ông tham gia phong trào kháng chiến chống Đức quốc xã chiếm đóng Pari trong tư cách một quân nhân Pháp và bị quân Đức bắt giam năm 1940, năm sau ông trốn thoát), là nhà hoạt động chính trị - xã hội lừng danh, người đấu tranh không biết mệt mỏi cho hòa bình, công lý, cho phong trào giải phóng dân tộc và cho sự tự do của con người. Với những đóng góp lớn lao trên lĩnh vực này, ông đã được Chính phủ Pháp quyết định trao Huân chương Bắc đẩu bội tinh - Huân chương cao quý nhất của Nhà nước Pháp. Song, cũng lại thật bất ngờ, ông đã từ chối không nhận vinh quang này với lý do đã dán thân vào hoạt động chính trị mà ông cho là “một

cách tích cực”. Năm 1967, với tư cách là người ủng hộ nhiệt thành cuộc chiến tranh chính nghĩa của nhân dân Việt Nam chống đế quốc Mỹ xâm lược, Gi.P.Xác-tơ-rơ đã được bầu làm Chủ tịch Tòa án quốc tế xét xử tội ác chiến tranh ở Việt Nam. Và, nhân dịp Tòa án này mở phiên chính thức đầu tiên, ngày 6 tháng 5 năm 1967, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi đến ông và các vị trong Tòa án lời chúc mừng và cảm ơn chân thành.

Gi.P.Xác-tơ-rơ còn là người cầm bút ở cương vị nhà báo, là người đồng sáng lập tờ báo *Giải phóng* (Liberation) và tờ tạp chí *Thời đại* (Les Temps Modernes) có khuynh hướng nghiêng về cánh tả. Với tư cách nhà báo, ông đã viết nhiều bài chính luận nổi tiếng.

Là con người nổi tiếng, nhưng Gi.P.Xác-tơ-rơ lại có cuộc sống đơn sơ, thậm chí còn nghèo khó trong một căn hộ nhỏ ở Pari để rồi dành sự viên mãn cho hoạt động sáng tạo triết học và văn học, cho những hoạt động chính trị - xã hội và qua đời khi đã viết đến gần như bị mù.

Gi.P.Xác-tơ-rơ chịu ảnh hưởng sâu xa của chủ nghĩa Mác, coi chủ nghĩa Mác là triết lý của thời đại, đánh giá cao triết học Mác, nhất là chủ nghĩa duy vật lịch sử và cũng đã từng đi đến nhiều nước có phong trào cộng sản, tiếp xúc với nhiều nhà lãnh đạo phong trào này, song ông chưa bao giờ trở thành đảng viên cộng sản với lý do là làm như vậy, “Tôi sẽ phải quay lưng lại với *Tồn tại và hư vô* của mình”.

Gi.P.Xác-tơ-rơ là người như thế đấy. Song, dù có gì đi chăng nữa, ông vẫn đi vào lịch sử tư tưởng nhân loại với tư cách “nhà triết học của thế kỷ XX”, người sáng lập chủ nghĩa hiện sinh vô thần Pháp. □